

Số: /GPMT-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường tại Báo cáo số 212/BC-TTĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án: Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại điểm mỏ thuộc thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại điểm mỏ thuộc thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum của Công ty TNHH Tuấn Dũng tại Văn bản số 40/CV-TD ngày 16 tháng 5 năm 2024 và hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 133/TTr-STNMT ngày 24 tháng 5 năm 2024 (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Tuấn Dũng (địa chỉ trụ sở chính: Số 325, đường Phan Đình Phùng, Phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại điểm mỏ thuộc thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, với các nội dung như sau⁽¹⁾:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án: Dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại điểm mỏ thuộc thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân tỉnh đã thông nhất tại cuộc họp ngày 31 tháng 5 năm 2024.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 6100536437, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 3 năm 2022, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17 tháng 7 năm 2017.

1.4. Mã số thuế: 6100536437.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu xây dựng thông thường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi dự án: Khu vực Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại điểm mỏ thuộc thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Quy mô diện tích: Diện tích mặt đất sử dụng 109.000 m². Trong đó: Diện tích khai thác khoáng sản 109.000 m²; Diện tích công trình phụ trợ: 400 m² (được bố trí nằm trong diện tích khai thác khoáng sản).

- Công suất:

+ Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác; trữ lượng được phép khai thác cấp 122 ở thể tự nhiên 2.000.568 m³, tương đương ở thể nguyên khai 2.580.732,7 m³.

+ Công suất thiết kế khai thác khoáng sản: Từ năm thứ nhất đến năm thứ tư: Công suất khai thác thể tự nhiên 387.596,9 m³/năm, tương đương 500.000 m³/năm ở thể nguyên khai. Từ năm thứ năm đến năm thứ chín: Công suất khai thác thể tự nhiên 77.519,4 m³/năm, tương đương 100.000 m³/năm ở thể nguyên khai. Năm thứ mười: Công suất khai thác thể tự nhiên 62.583,5 m³/năm, tương đương 80.732,7 m³/năm ở thể nguyên khai.

+ Tổng vốn đầu tư của dự án: 12.878.481.000 đồng (Mười hai tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn đồng).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Tuấn Dũng được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH Tuấn Dũng có trách nhiệm
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng;
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật;
 - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
 - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường;
 - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp giấy phép môi trường.

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về: quy trình thực hiện; đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa; tính trung thực, đầy đủ, chính xác, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, số liệu các nội dung liên quan trong hồ sơ cấp phép môi trường của dự án.
- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án (t/h);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (để biết);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (t/h);
- UBND thành phố Kon Tum (t/h);
- UBND xã Đăk Blà (t/h);
- Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh (c/bố);
- Trang Thông tin điện tử của Sở TN&MT (c/bố);
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NNTN.HVT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.
- Nguồn số 02: Nước mưa chảy tràn qua phía Đông Bắc khu vực khai thác (diện tích khoảng 3,4 ha).
- Nguồn số 03: Nước mưa chảy tràn qua phía Tây Bắc khu vực khai thác (diện tích khoảng 2,2 ha).
- Nguồn số 04: Nước mưa chảy tràn qua phía Nam khu vực khai thác (diện tích khoảng 5,3 ha).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Nước thải sinh hoạt (*nguồn số 01*): Nước thải phát sinh theo đường ống thu gom về bể tự hoại 3 ngăn, sau đó qua đường ống ra môi trường đất (*giếng thấm*).
- Nước mưa chảy tràn (*nguồn số 02, nguồn số 03, nguồn số 04*): Nước mưa chảy tràn tại khu vực dự án được thu gom về hệ thống thoát nước mưa, dẫn về các hố lắng để lắng bùn đất, theo địa hình chảy ra suối nhỏ gần khu vực dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nguồn số 01: Vị trí nước thải sinh hoạt sau xử lý xả vào môi trường đất (*giếng thấm*) tại khu vực dự án; Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X= 1.589.071; Y= 562.886 (thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum).
- Nguồn số 02: Vị trí tại đầu ra hố lắng gần điểm mốc số 2 khu vực dự án; Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X= 1.589.050; Y= 562.961 (thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum).
- Nguồn số 03: Vị trí tại đầu ra hố lắng gần ranh giới phía Tây khu vực dự án; Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X= 1.588.996; Y= 562.885 (thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum).

- Nguồn số 04: Vị trí tại đầu ra hồ lắng gần điểm mốc số 4 khu vực dự án; Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X= 1.588.522; Y= 562.634 (thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

- Nguồn số 01: 0,8 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 02: 5.376 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 03: 3.585 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 04: 8.481 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Nguồn số 01: Tự thấm vào đất.
- Nguồn số 02, nguồn số 03, nguồn số 04: Tự chảy, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải

- Nguồn số 01: Xả liên tục (24 giờ).
- Nguồn số 02, nguồn số 03, nguồn số 04: Xả liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận

- Nguồn số 01: Nước thải sau xử lý phải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Nguồn số 02, nguồn số 03, nguồn số 04: Nước mưa chảy tràn sau khi qua hồ lắng vào nguồn nước tiếp nhận (suối nhỏ gần khu vực dự án) phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số pH, TSS, tổng dầu mỡ khoáng phải đảm bảo cột A - QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

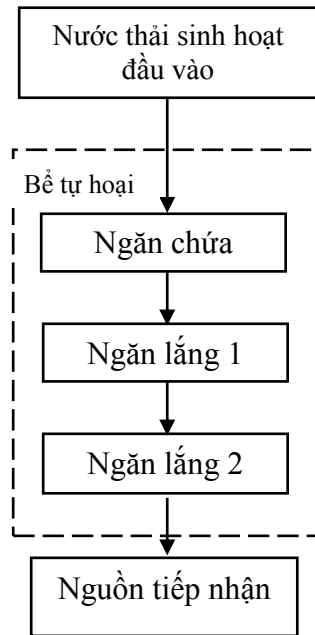
B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được dẫn vào bể tự hoại để xử lý bằng đường ống thoát PVC Ø114 dài 3,2 m, sau khi xử lý được dẫn bằng PVC Ø114 dài 1,5 m về giếng thấm và thấm vào môi trường đất.

- Nước thải sinh hoạt: Được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, dung tích 5 m³ được bố trí ngầm tại khu nhà vệ sinh. Định kỳ bổ sung chế phẩm sinh học vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình. Bùn thải phát sinh trong bể tự hoại định kỳ được Công ty hợp đồng với đơn vị dịch vụ có chức năng xử lý theo quy định. Sơ đồ và quy trình xử lý như sau:



1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn

- Khu vực phía Đông Bắc: Nước mưa từ trong mỏ được thu gom bằng rãnh dọc vách moong khai thác kích thước 0,5mx0,3m (*chiều dài rãnh thoát thay đổi theo tiến độ từng năm khai thác*) đưa về hồ lắng (*trước hồ lắng bố trí song chắn rác*) bằng rọ đá kích thước 10mx10mx2m, sau khi lắng bùn đất, nước sẽ theo mương dẫn bằng đất kích thước 47mx0,5mx0,3m chảy về khe nước và thoát về lưu vực thoát nước số 1 (*gồm 2 cống bê tông đường kính D1400 qua đường Quốc lộ 24 chảy ra suối nhỏ. Tọa độ vị trí điểm thoát nước ra cống: X = 1.589.277, Y = 562.823*).

- Khu vực phía Tây Bắc:

+ Nước mưa từ bãi chứa tạm số 1 chảy theo địa hình tự nhiên về hồ lắng bằng rọ đá kích thước 3mx3mx1m (*gần điểm mốc số 1*), nước theo cống ngầm BTLT D400 mm dài 60 m ra khe nước và thoát về lưu vực thoát nước số 1.

+ Nước mưa từ trong mỏ được thu gom bằng rãnh dọc vách moong khai thác kích thước 0,5mx0,3m (*chiều dài rãnh thoát thay đổi theo tiến độ từng năm khai thác*) và đưa về hồ lắng (*trước hồ lắng bố trí song chắn rác*) bằng rọ đá kích thước 10mx10mx2m (*gần ranh giới phía Tây*), sau khi lắng bùn đất, nước sẽ thoát theo rãnh kích thước 70mx0,5mx0,3m (*đoạn giáp ranh phía Tây khu vực dự án gần điểm mốc số 1*), sau đó tiếp tục qua hồ lắng kích thước 2mx2mx1m rồi chảy theo cống ngầm bê tông ly tâm D400 mm dài 60 m ra khe nước và thoát về lưu vực thoát nước số 1.

- Khu vực phía Nam:

+ Nước mưa từ trong mỏ được thu gom bằng rãnh dọc vách moong khai thác kích thước 0,5mx0,3m (*chiều dài rãnh thay đổi theo tiến độ từng năm khai thác*) đưa về hồ lắng (*trước hồ lắng bố trí song chắn rác*) bằng rọ đá kích thước 10mx10mx2m (*gần điểm mốc số 4*), sau khi lắng bùn đất, nước sẽ theo cống ngầm BTLT D400 dài khoảng 10 m và thoát về lưu vực thoát nước số 2 (*gồm*

cống hộp bê tông có kích thước 2x3m qua đường QL24 chảy ra nhánh suối. Tọa độ vị trí điểm thoát nước ra cống: $X = 1.589.099$, $Y = 561.784$).

+ Nước mưa từ bãi chứa tạm số 2 chảy theo địa hình tự nhiên về hồ lắng kích thước 3mx3mx1m, sau khi lắng chảy theo các rãnh chảy về 02 lưu vực thoát nước số 1 và số 2.

+ Đối với thoát nước bề mặt tầng bảo vệ: Tạo rãnh thoát nước bằng đất có kích thước 0,5mx0,3m trên bề mặt tầng, dẫn nước mưa xuống rãnh bậc của vách dưng có bề rộng 90 cm, khoảng cách giữa các bậc 28,5 cm; đưa về rãnh thoát nước dọc vách moong.

- Thoát nước tại tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ: Nước mưa thu gom về rãnh thoát nước chạy dọc vách taluy dương của đường vận chuyển ngoài mỏ kích thước 160mx0,5mx0,3m; qua hồ lắng 2mx2mx1m thoát về lưu vực thoát nước số 3 (gồm 1 cống bê tông đường kính D800 qua đường Quốc lộ 24 chảy ra suối nhỏ. Tọa độ vị trí điểm thoát nước ra cống: $X = 1.589.261$, $Y = 562.778$).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, nước lắng cát phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Công ty TNHH Tuấn Dũng chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn: Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận chuyển, máy móc thiết bị bốc xúc, khai thác (trong khu vực khai thác).

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

2.1. Vị trí xả khí thải: Tại khu vực khai thác được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác khoáng sản số 36/GP-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum).

2.2. Lưu lượng xả khí thải: Không xác định.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Không liên tục.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường: Phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với bụi và các chất vô cơ; đảm bảo theo QCVN 05:2023/BNTMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không có

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Xả bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải:

- Phun nước tưới nước trên tuyến đường vận chuyển (từ khu vực dự án ra Quốc lộ 24) và tại khu vực khai thác, bốc xúc với tần suất 06 lần/ngày (thực hiện vào những ngày trời nắng).

- Trước khi ra khỏi khu vực dự án, các bánh xe phải gạt đất, xịt rửa bánh xe trước khi cho lưu thông ra khỏi khu vực dự án.

- Bố trí công nhân thu dọn đất, đá rơi vãi trên tuyến đường Quốc lộ 24 đoạn qua khu vực dự án, phải đảm bảo không phát sinh bụi, khí thải, không gây ảnh hưởng lưu thông trên tuyến đường.

- Trong quá trình vận chuyển đất san lấp phải phủ, che chắn, không để rơi vãi trên đường, chờ đúng trọng tải.

- Sử dụng phương tiện, máy móc thiết bị đã qua đăng kiểm.

3.3. Công ty TNHH Tuấn Dũng chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận chuyển; máy móc, thiết bị bốc xúc, khai thác (trong khu vực khai thác).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tại khu vực khai thác được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác khoáng sản số 36/GP-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum).

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng về yêu cầu bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Giới hạn đối với tiếng ồn phát sinh đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

TT	Khu vực thông thường		Giá trị giới hạn cho phép
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	
1	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT
2	85		QCVN 24:2016/BYT

3.2. Độ rung:

Giới hạn đối với độ rung phát sinh đảm bảo theo QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

TT	Khu vực thông thường		Giá trị giới hạn cho phép
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	
1	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện giao thông, máy móc thiết bị đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.

- Xây dựng kế hoạch khai thác, khai thác đúng công suất thiết kế; bố trí lịch trình khai thác, vận chuyển hợp lý về cả số lượng phương tiện, máy móc hoạt động và lộ trình di chuyển; không tập trung nhiều máy móc, phương tiện vận chuyển vào cùng một thời điểm, trên cùng một khu vực, tránh cộng hưởng tiếng ồn, độ rung. Không khai thác, vận chuyển vào buổi trưa và buổi tối để không ảnh hưởng đến thời gian nghỉ ngơi của người dân. Yêu cầu tài xế giảm tốc độ, không bóp còi bừa bãi trong dừng chờ vận chuyển.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng ước tính (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại chất thải có chứa thủy ngân	16 01 06	Rắn	6
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	24
3	Giẻ lau dính dầu, sơn	18 02 01	Rắn	18
Tổng				48

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 5,5 kg/ngày, bao gồm vỏ trái cây, thức ăn thừa, vỏ đồ hộp, vật dụng, bao bì nhựa, rau củ quả thừa, bao nylon...

1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phát sinh: Sinh khối thực vật khoảng 5,3 tấn/tháng.
- Khối lượng đất hữu cơ phát sinh trong quá trình bóc đất tầng phủ khoảng 42.340 m³ (khối lượng phát sinh lớn nhất khoảng 683,6m³/tháng).
- Khối lượng bùn đất trong quá trình nạo vét các hố lắng khoảng 19,3 m³/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại được lưu giữ trong 03 thùng chứa HDPE dung tích 160 lít có nắp đậy, có dán nhãn bố trí trong kho chất thải nguy hại.
- Kho chứa chất thải nguy hại: Diện tích 6 m². Kết cấu: Tường sòng vuông, nền láng vữa xây, mái lợp tôn sòng vuông, có cửa khóa, bố trí biển cảnh báo tại khu vực lưu chứa.

Thực hiện lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 01 thùng nhựa có nắp đậy dung tích 120 lít, vị trí đặt tại khu vực nhà quản lý.

- Công tác thu gom, xử lý: Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại ngay tại nguồn, các loại chất thải rắn có thể tái chế (*chai nhựa, lon nước ngọt, hộp giấy,...*) được tách riêng để bán cho đơn vị thu mua phế liệu. Đối với rác không tái chế hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Kon Tum thu gom và xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Sinh khối thực vật: Thu gom và hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Kon Tum vận chuyển, xử lý.

- Đất hữu cơ trong quá trình bóc phủ và bùn, đất trong quá trình nạo vét các hố lắng trong suốt quá trình khai thác được thu gom, vận chuyển về bãi chứa tạm, được sử dụng để san gạt mặt bằng, cải tạo phục hồi môi trường, cụ thể:

- + Bãi chứa tạm số 1 (*chứa đất hữu cơ năm khai thác thứ nhất, thứ hai và bùn, đất trong quá trình nạo vét các hố lắng*): Bố trí trong khu vực phía Tây Bắc dự án, diện tích bãi chứa lớn nhất 2.050 m², xung quanh kê chắn bằng rọ đá, kích thước kê lớn nhất 148mx1mx4m (*diện tích bãi chứa và chiều dài kê thay đổi theo từng năm khai thác*).

- + Bãi chứa tạm số 2 (*chứa đất hữu cơ năm khai thác thứ ba đến năm khai thác thứ mười và bùn, đất trong quá trình nạo vét các hố lắng*): Bố trí trong khu vực phía Nam dự án, diện tích bãi chứa lớn nhất khoảng 5.000 m², xung quanh kê chắn bằng rọ đá, kích thước kê lớn nhất 310mx1mx2m (*diện tích bãi chứa và chiều dài kê thay đổi theo từng năm khai thác*).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố tai nạn lao động

Quá trình thi công xây dựng của dự án phải đảm bảo theo QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng- Ban hành kèm theo thông tư số 16/2021/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Sự cố cháy nổ

- Áp dụng các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy và chữa cháy.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ.

3. Sự cố về an toàn giao thông

- Cấm biển báo theo quy định tại vị trí giao lộ để báo hiệu khu vực có xe vận tải ra vào. Phân luồng xe xuyên suốt quá trình hoạt động khai thác, tránh gây tai nạn, ách tắc giao thông.

- Phương tiện vận chuyển ra khỏi khu vực mở chấp hành nghiêm luật an toàn giao thông đường bộ, hạn chế lưu thông vào giờ cao điểm, không để rơi vãi đất ra đường gây ảnh hưởng đến lưu thông trên các tuyến đường vận chuyển.

- Chịu trách nhiệm, có biện pháp đảm bảo an toàn công trình, an toàn giao thông khi triển khai đầu nối vào Km157+450 (*trái tuyến*) Quốc lộ 24.

- Phối hợp với đơn vị có hoạt động khai thác gần khu vực dự án phân bố thời gian vận chuyển hợp lý tránh trường hợp tập trung mật độ phương tiện giao thông cao tại vị trí đầu nối với Quốc lộ 24.

- Duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyển (*từ khu vực dự án ra Quốc lộ 24*) thường xuyên, trung bình 2 tháng/lần và khi phát hiện có dấu hiệu hư hỏng.

4. Sự cố sạt lở bờ moong khai thác, bãi chứa tạm, bồi lấp khu vực xung quanh

- Trong quá trình khai thác phải đảm bảo góc sườn tầng khai thác, sườn tầng kết thúc, chiều cao tầng khai thác, chiều cao tầng kết thúc theo đúng quy định.

- Thường xuyên giám sát các vị trí sụt trượt bờ mả để phát hiện và có biện pháp kịp thời phòng tránh nguy cơ sạt lở; trường hợp xảy ra sạt lở thì ngừng hoạt động khai thác, phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan chức năng để xử lý.

- Làm kè rọ đá xung quanh các bãi chứa tạm (*đã trình bày tại mục 2.3 Phụ lục này*).

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng thoát nước, vệ sinh môi trường, nạo vét rãnh thoát nước, hố lắng, tần suất nạo vét vào mùa mưa (*2 ngày/1 lần*); làm bờ chắn bằng rọ đá kích thước 6mx1mx1m tại hạ lưu cống thoát nước qua đường Quốc lộ 24 (*lưu vực thoát nước số 2*) tránh trôi bùn đất, bồi lắng đến các đối tượng xung quanh.

5. Chủ dự án có trách nhiệm

Tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2024
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Nội dung thực hiện cải tạo phục hồi môi trường trước khi tiến hành khai thác: Làm bờ chắn bằng đá tại hạ lưu cống thoát nước qua đường Quốc lộ 24 (lưu vực thoát nước số 2).

- Nội dung thực hiện trong quá trình hoạt động khai thác: Trồng cây bạch đàn xung quanh ranh giới khai trường; lắp đặt biển báo nguy hiểm xung quanh khu vực dự án.

- Nội dung thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường ngay khi kết thúc khai thác, hoàn tất sau khi Giấy phép khai thác hết hạn:

- + Hoàn thổ san gạt đáy moong;
- + Làm bờ chắn bằng đá xô bờ tại các đường đồng mức của đáy moong;
- + Trồng bạch đàn tại đáy moong, bề mặt tầng bảo vệ;
- + Trồng cỏ vetiver trên vách dừng;
- + Đổ bê tông lên bề mặt rãnh bậc;
- + Giảm thể tích 3 hồ lắng tại đáy moong. Xung quanh hồ rào kẽm gai để đảm bảo an toàn;
- + Tháo dỡ tất cả công trình tại khu vực phụ trợ; hút, lấp hầm từ hoại;
- + Thu dọn lớp đá dăm trên bề mặt đường giao thông kết nối với Quốc lộ 24. San gạt mặt đường trả lại mặt bằng cho người dân;
- + Nạo vét rãnh thoát nước, hố lắng, cống thoát nước.

2. Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường và thời gian thực hiện

TT	Tên công việc	Khối lượng	Thời gian thực hiện
I	Khu vực khai thác		Sau khi kết thúc khai thác
1	Hoàn thổ, san gạt đáy moong	71.360 m ²	
2	Làm bờ chắn bằng đá xô bờ tại các đường đồng mức của đáy moong	1.820 m	
3	Trồng bạch đàn tại đáy moong	74.510 m ²	
4	Trồng bạch đàn tại bề mặt tầng bảo vệ	7.470 m ²	
5	Trồng cỏ vetiver trên vách dừng	235.398 gốc	
6	Đổ bê tông lên bề mặt rãnh bậc	127,6 m ³	

TT	Tên công việc	Khối lượng	Thời gian thực hiện
7	Nạo vét rãnh thoát nước đáy moong, bề mặt tầng bảo vệ	186,65 m ³	
8	Giảm thể tích 3 hố lửng tại đáy moong. Xung quanh hố rào kẽm gai để đảm bảo an toàn.	San lấp hố lửng: 300 m ³ Kẽm gai: 144 m ²	
II	Khu vực phụ trợ (nằm trong ranh giới khai thác)		
1	Tháo dỡ các công trình phụ trợ	97,8 m ²	Sau khi hoàn thành tất cả các công trình cải tạo, phục hồi môi trường
2	Hút hầm tự hoại, san lấp hầm tự hoại	01 cái	
III	Khu vực ngoài mỏ		
1	Thu dọn lớp đá dăm trên bề mặt đường giao thông kết nối với Quốc lộ 24. San gạt mặt đường trả lại mặt bằng cho người dân sau khi kết thúc khai thác	176 m ³	Sau khi hoàn thành tất cả các công trình cải tạo, phục hồi môi trường
2	Nạo vét rãnh thoát nước, hố lửng, cống thoát nước	23,15 m ³	Sau khi kết thúc khai thác
3	Trồng cây bạch đàn xung quanh ranh giới khai trường	4.386 m ²	Trong quá trình hoạt động dự án (Bắt đầu khai thác năm thứ hai)
4	Lắp đặt biển báo nguy hiểm xung quanh khu vực dự án	15 biển báo	
5	Sử dụng 3 rọ đá kích thước 2mx1mx1m để gia cố chống sạt lở, bồi lấp ruộng lúa tại hạ lưu cống thoát nước qua đường Quốc lộ 24 (lưu vực thoát nước số 3)	3 rọ	Đã hoàn thành

3. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 1.850.846.000 đồng (Một tỷ, tám trăm năm mươi triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, không trăm đồng).

- Số lần ký quỹ: 11 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu⁽²⁾: 370.169.200 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm đồng).

+ Số tiền ký quỹ các năm tiếp theo (10 lần): 148.067.680 đồng/năm (Một trăm bốn mươi tám triệu, không trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm tám mươi đồng/năm).

- Số tiền ký quỹ nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2024.

⁽²⁾ Đã thực hiện ký quỹ cải tạo môi trường lần đầu vào ngày 19 tháng 03 năm 2024.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum. Tài khoản số: 110616717777 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Kon Tum.

- Về khối lượng đất không đủ điều kiện để làm vật liệu san lấp: Yêu cầu trong quá trình khai thác đất (*từ quá trình bóc tầng phủ và quá trình khai thác*) đưa về các bãi chứa tạm phải đảm bảo lưu giữ đủ khối lượng là 42.340 m³ đất để phục vụ công tác phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, phòng ngừa sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung về trách nhiệm của Công ty nêu tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 36/GP-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

* Trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của dự án yêu cầu Chủ dự án thực hiện nghiêm các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật Xây dựng... và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường, gây sự cố môi trường ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh./.
